

Số tham chiếu: 60947064/19360663-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 19 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Ernest Young Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1891-2018-004-1

Giang Văn Doanh  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 3778-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2018

# CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

### I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>4.804.828.847.496</b>	<b>2.457.129.588.617</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	134.754.662.282	229.082.685.832
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	50.000.000.000	
3	Các khoản phải thu	1.417.280.059.668	575.086.798.731
4	Hàng tồn kho	2.731.047.759.946	1.457.989.635.379
5	Tài sản ngắn hạn khác	471.746.365.600	194.970.468.675
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>3.056.559.496.263</b>	<b>1.719.254.004.973</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	114.385.554.720	38.516.100.598
2	Tài sản cố định	2.018.671.715.513	1.097.301.909.198
	- TSCĐ hữu hình	1.971.861.845.732	1.048.092.177.768
	- TSCĐ thuê tài chính	36.898.048.821	39.682.783.199
	- TSCĐ vô hình	9.911.820.960	9.526.948.231
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	634.512.647.011	409.074.049.559
4	Bất động sản đầu tư		
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
6	Tài sản dài hạn khác	288.989.579.019	174.361.945.618
<b>III</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>7.861.388.343.759</b>	<b>4.176.383.593.590</b>
<b>IV</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>5.839.692.654.024</b>	<b>2.883.858.128.859</b>
1	Nợ ngắn hạn	4.288.708.779.664	1.997.678.515.489
2	Nợ dài hạn	1.550.983.874.360	886.179.613.370
<b>V</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.021.695.689.735</b>	<b>1.292.525.464.731</b>
1	Vốn chủ sở hữu	2.021.695.689.735	1.292.525.464.731
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740.920.180.000	312.551.570.000
	Thặng dư vốn cổ phần	137.740.614.500	34.026.710.500
	Vốn khác của chủ sở hữu	378.966.392.000	153.584.924.000
	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	1.931.977.742	1.931.977.742
	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	Quỹ đầu tư phát triển	3.430.602.730	3.430.602.730
	Lợi nhuận chưa phân phối	758.705.922.763	786.999.679.759
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
<b>VI</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>7.861.388.343.759</b>	<b>4.176.383.593.590</b>

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
1	Tổng doanh thu	<b>9.865.205.434.787</b>	<b>5.970.058.412.063</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(146.231.479.699)	(56.947.337.015)
3	Doanh thu thuần	9.718.973.955.088	5.913.111.075.048
4	Giá vốn hàng bán	(8.562.066.716.279)	(4.949.869.564.617)
5	Lợi nhuận gộp	<b>1.156.907.238.809</b>	<b>963.241.510.431</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	36.025.772.364	16.378.222.045
7	Chi phí tài chính	(174.885.527.256)	(113.413.825.873)
8	Chi phí bán hàng	(430.806.707.549)	(246.119.564.313)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(90.028.161.874)	(70.621.683.254)
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<b>497.212.614.494</b>	<b>549.464.659.036</b>
11	Thu nhập khác	38.226.004.121	31.155.837.637
12	Chi phí khác	(852.055.963)	(6.192.996.192)
13	Lợi nhuận khác	<b>37.373.948.158</b>	<b>24.962.841.445</b>
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>534.586.562.652</b>	<b>574.427.500.481</b>
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(84.966.632.041)	(53.386.421.491)
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.823.177.875	1.146.111.435
17	Lợi nhuận sau thuế	<b>452.443.108.486</b>	<b>522.187.190.425</b>
18	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS)		

## III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
<b>Cơ cấu tài sản</b>		
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	61,12%	58,83%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	38,88%	41,17%
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	74,28%	69,05%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	25,72%	30,95%
<b>Khả năng thanh toán</b>		
Khả năng thanh toán hiện hành	1,00	1,13
Khả năng thanh toán nhanh	0,03	0,11
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	4,59%	8,75%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,76%	12,50%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	22,38%	40,40%

### 31. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay. Chi tiết như sau:

	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Phân loại lại</i>	<i>VND Số đầu năm (phân loại lại)</i>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			
Phải trả người bán			
ngắn hạn	425.510.897.604	74.079.037.278	499.589.934.882
Ứng trước cho người bán			
ngắn hạn	123.216.864.130	74.079.037.278	197.295.901.408
Phải trả người bán dài hạn	81.025.338.217	20.007.306.188	101.032.644.405
Ứng trước cho người bán			
dài hạn	-	20.007.306.188	20.007.306.188